

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MỸ XUYỀN
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 38/2019/DS-ST.

Ngày: 27/9/2019.

V/v “*Tranh chấp hợp đồng mua bán*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỸ XUYỀN

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ái Mỹ.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lương Minh Suốt.

2. Bà Lâm Thị Tám.

Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thị Tiểu Loan – Thư ký Toà án nhân dân huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng.

Ngày 27 tháng 9 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 34/2019/TLST-DS, ngày 13 tháng 02 năm 2019, về việc “*Tranh chấp hợp đồng mua bán*”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 87/2019/QĐXXST-DS, ngày 15 tháng 7 năm 2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Phan Thị Ngọc D, sinh năm 1993 – Đại diện Hộ kinh doanh T.

Hộ khẩu thường trú: Khóm A, phường A, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng.

Địa chỉ Hộ kinh doanh: Ấp S, xã T, huyện M, tỉnh Sóc Trăng.

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Bà Lê Thị Thu H, sinh năm 1993 (theo giấy ủy quyền ngày 06/8/2019), (có mặt).

Hộ khẩu thường trú: Khóm W, phường V, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng.

Địa chỉ liên lạc: khóm B, phường B, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng.

- *Bị đơn:* 1/ Ông Nguyễn Việt K, sinh năm 1978 (có mặt).

2/ Bà Dương Thị Mỹ T, sinh năm 1986 (có mặt).

Cùng địa chỉ: ấp H, xã H, huyện M, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 23/01/2019, chứng cứ có trong hồ sơ và tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là bà Lê Thị Thu H trình bày: Vào khoảng tháng 09/2017, Hộ kinh doanh T do bà Phan Thị Ngọc D đại diện có thỏa thuận bằng lời nói mua bán các loại thức ăn và thuốc thủy sản với ông Nguyễn Việt K và bà Dương Thị Mỹ T. Hai bên thỏa thuận, hộ kinh doanh T sẽ cung cấp các loại thức ăn và thuốc thủy sản cho ông K và bà T, khi giao hàng thì phía ông K và bà T sẽ ký nhận vào sổ theo dõi

giao nhận hàng. Cuối mỗi tháng bà D sẽ gửi bảng đối chiếu công nợ cho ông K và bà T kiểm tra và ký xác nhận. Thỏa thuận thời gian thanh toán là cuối mỗi vụ tôm, chậm nhất là ngày 25 tháng 12 cuối năm phải thanh toán dứt điểm cho doanh nghiệp. Căn cứ vào thỏa thuận, phía bà D đã cung cấp hàng hóa cho ông K và bà T, khi nhận hàng ông K và bà T đều ký vào sổ theo dõi và không có ý kiến gì.

Trong quá trình hợp đồng mua bán, ông K và bà T không thanh toán đầy đủ tiền hàng cho bà D như đã thỏa thuận. Đến ngày 21/9/2018 thì ông Nguyễn Việt K có đối chiếu công nợ với Hộ kinh doanh T và ký nhận còn nợ số tiền 121.858.000đ.

Sau đó Nguyễn Việt K và bà Dương Thị Mỹ T tiếp tục mua các loại thức ăn và thuốc thủy sản nhiều lần và nợ thêm tổng số tiền 42.987.000đ, cụ thể các lần lấy hàng và nợ như sau: Ngày 27/9/2018 nợ 2.394.000đ, ngày 12/10/2018 nợ 360.000đ, ngày 16/10/2018 nợ 3.079.000đ, ngày 24/10/2018 nợ 2.388.000đ, ngày 29/10/2018 nợ 3.570.000đ, ngày 31/10/2018 nợ 1.710.000đ, ngày 05/11/2018 nợ 3.412.000đ, ngày 11/11/2018 nợ 4.556.000 đồng, ngày 15/11/2018 nợ 4.434.000 đồng, ngày 19/11/2018 nợ 4.552.000đ, ngày 22/11/2018 nợ 4.552.000đ, ngày 27/11/2018 nợ 3.990.000đ, ngày 04/12/2018 nợ 3.990.000đ.

Như vậy, tính đến ngày 04/12/2018 tổng số tiền nợ là 164.845.000đ. Đến ngày 24/12/2018 ông K và bà T thanh toán được 60.000.000đ và còn nợ lại số tiền 104.845.000đ. Bà D đã nhiều lần yêu cầu ông K và bà T thanh toán dứt điểm, nhưng ông K và bà T vẫn không trả nợ cho bà D.

Nay bà Phan Thị Ngọc D yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Nguyễn Việt K và bà Dương Thị Mỹ T trả cho bà số tiền còn nợ là 104.845.000đ và yêu cầu tính lãi suất chậm thanh toán là 10%/năm, thời gian tính lãi kể từ ngày 25/12/2018 đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 27/9/2019 là 09 tháng 02 ngày, với số tiền lãi là 7.888.533đ. Tổng số tiền gốc và lãi là 112.733.533đ. Không yêu cầu tiếp tục tính lãi phát sinh.

- *Tại biên bản hòa giải ngày 27/3/2019 và tại phiên tòa, bị đơn ông Nguyễn Việt K trình bày:* Ông thống nhất với lời trình bày của đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, từ tháng 09/2017 ông và vợ là bà Dương Thị Mỹ T có mua thức ăn và thuốc thủy sản của Hộ kinh doanh T, do bà Phan Thị Ngọc D đại diện để bán lại cho các hộ nuôi tôm ở địa phương. Đến ngày 21/9/2018 thì ông K và bà T đối chiếu công nợ và ông K ký nhận còn nợ của bà D số tiền 121.858.000đ.

Sau đó, ông K và bà T tiếp tục mua thêm của bà D thức ăn và thuốc thủy sản nhiều lần và nợ thêm các khoản tiền, cụ thể: ngày 27/9/2018 nợ 2.394.000đ, ngày 12/10/2018 nợ 360.000đ, ngày 16/10/2018 nợ 3.079.000đ, ngày 24/10/2018 nợ 2.388.000đ, ngày 29/10/2018 nợ 3.570.000đ, ngày 31/10/2018 nợ 1.710.000đ, ngày 05/11/2018 nợ 3.412.000đ, ngày 11/11/2018 nợ 4.556.000đ, ngày 15/11/2018 nợ 4.434.00đ, ngày 19/11/2018 nợ 4.552.000đ, ngày 22/11/2018 nợ 4.552.000đ, ngày 27/11/2018 nợ 3.990.000đ, ngày 04/12/2018 nợ 3.990.000đ. Tổng nợ thêm số tiền 42.987.000đ.

Như vậy, Tính đến ngày 04/12/2018 ông K và bà T nợ của bà D tổng cộng số tiền là 164.845.000đ. Đến ngày 24/12/2018 ông K và bà T trả được 60.000.000đ và còn nợ lại số tiền 104.845.000đ.

Nhưng ông K cho rằng khi mua hàng thì phía Hộ kinh doanh T lập hợp đồng thỏa thuận chiết khấu cho ông K số tiền 6.000đ/kg thức ăn, theo đó ông K mua hàng là 6.386kg thì số tiền ông được chiết khấu là 38.316.000đ, số tiền chiết khấu này trừ vào số tiền nợ gốc 104.845.000đ, thì hiện nay ông và bà T chỉ còn nợ là 66.529.000đ. Nên ông K chỉ đồng ý cùng với bà T trả cho bà D số tiền nợ là 66.529.000đ. Đối với yêu cầu của nguyên đơn về việc tính lãi chậm thanh toán với mức lãi suất 10%/năm, trên số tiền nợ 104.845.000đ kể từ ngày 25/12/2018 cho đến khi xét xử sơ thẩm 27/9/2019 thì ông K không đồng ý.

- *Tại phiên tòa, bà Dương Thị Mỹ T trình bày:* Bà thống nhất với ý kiến của ông K, vào năm 2017 bà và ông K có mua thức ăn và thuốc thủy sản của doanh nghiệp tư nhân T để bán lại cho các hộ nuôi tôm. Bà T thừa nhận số nợ gốc chưa trừ chiết khấu là 104.845.000 đồng và thống nhất với ý kiến của ông K là ông K mua của doanh nghiệp 6.386kg thì số tiền bà và ông được chiết khấu là 38.316.000 đồng, số tiền chiết khấu này trừ vào số tiền nợ gốc 104.845.000đ, thì hiện nay bà và ông K chỉ còn nợ là 66.529.000đ tiền gốc. Đối với yêu cầu của nguyên đơn về việc tính lãi chậm thanh toán với mức lãi suất 10%/năm, trên số tiền nợ 104.845.000đ kể từ ngày 25/12/2018 cho đến khi xét xử sơ thẩm thì bà T không đồng ý.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Nguyên đơn bà Phan Thị Ngọc D là chủ hộ kinh doanh T và bị đơn ông Nguyễn Việt K, bà Dương Thị Mỹ T cùng thống nhất thừa nhận: Vào tháng 9 năm 2017 hộ kinh doanh T do bà Phan Thị Ngọc D đại diện có thỏa thuận bằng lời nói mua bán các loại thức ăn và thuốc thủy sản với ông Nguyễn Việt K và bà Dương Thị Mỹ T. Đến ngày 21/9/2018 thì ông Nguyễn Việt K có đối chiếu công nợ với Hộ kinh doanh T và ký nhận còn nợ số tiền 121.858.000đ. Sau đó ông K, bà T tiếp tục mua các loại thức ăn, thuốc thủy sản nhiều lần kể từ ngày 27/9/2018 đến ngày 04/12/2018 và nợ thêm tổng số tiền 42.987.000đ. Như vậy, tổng số tiền nợ tính đến ngày 04/12/2018 là 164.845.000đ. Đến ngày 24/12/2018 ông K và bà T thanh toán được 60.000.000đ và còn nợ lại số tiền 104.845.000đ. Như vậy, đây là tình tiết không phải chứng minh theo quy định tại điểm a khoản 1, khoản 2 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Nhưng bị đơn ông Nguyễn Việt K và bà Dương Thị Mỹ T cho rằng: Khi mua hàng thì phía Hộ kinh doanh Tân Thành C có lập hợp đồng thỏa thuận chiết khấu cho ông K số tiền 6.000đ/kg thức ăn, theo đó ông K mua hàng là 6.386kg thì số tiền ông được chiết khấu là 38.316.000 đ, số tiền chiết khấu này trừ vào số tiền nợ gốc 104.845.000đ nêu trên, nên hiện nay ông K và bà T chỉ còn nợ là 66.529.000đ. Ông K và bà T căn cứ vào thỏa thuận tại mục 3. Điều III của Hợp đồng đại lý không số, không đề ngày tháng do ông Lê Hữu T1 là đại diện của Hộ kinh doanh T đại diện bên A (bên bán) ký. Tại phiên tòa, đại diện của nguyên đơn thừa nhận Hộ kinh doanh T có cử ông Lê Hữu T1 đại diện bên bán ký thỏa thuận hợp đồng đại lý thỏa thuận chiết khấu cho ông K, nhưng điều kiện để chiết khấu theo thỏa thuận là ông K phải thanh toán dứt điểm công nợ trong năm 2018 cho bên bán thì mới được tính chiết khấu. Nếu ông K không thanh toán

dứt điểm công nợ năm 2018 cho bên bán thì sẽ mất hoàn toàn các khoản chiết khấu đã thỏa thuận. Tính đến ngày 04/12/2018 ông K và bà T nợ tổng cộng là 164.845.000đ. Đến ngày 24/12/2018 ông K và bà T thanh toán được 60.000.000đ và còn nợ lại số tiền 104.845.000đ là chưa thanh toán dứt điểm công nợ trong năm 2018, nên không được tính chiết khấu.

[3] Xét chứng cứ do bị đơn ông Nguyễn Việt K cung cấp là Hợp đồng đại lý không số, không đề ngày, tháng do ông Lê Hữu T1 là đại diện của Hộ kinh doanh T đại diện bên A (bên bán) ký. Hội đồng xét xử nhận thấy:

[3.1] Nội dung hợp đồng tại mục 3. Điều III: Công nợ, chiết khấu và phương thức thanh toán, có thỏa thuận như sau (BL 18):

- *Bên A (bên bán) chiết khấu hóa đơn cho bên B (bên mua) 6.000 đồng/kg thức ăn so với bảng giá mà bên A đã cung cấp cho bên B.*

- *Ngày 25/12/2018 bên B phải thanh toán dứt điểm toàn bộ công nợ cho bên A. Đến ngày 25/12/2018 bên B thanh toán dứt điểm công nợ cho bên A, bên A sẽ chiết khấu cuối năm thêm 1000 đồng/kg thức ăn (nếu có);*

- *Đến ngày 25/12/2018 bên B được hưởng chính sách chiết khấu sản lượng cuối năm nếu đạt được mức sản lượng như sau: Sản lượng năm 2018 là 50 tấn, mức chiết khấu là 300đồng/kg; Sản lượng là 80 tấn, mức chiết khấu 300đồng/kg;*

- *Trường hợp ngày.../12/2018 bên B không thanh toán dứt điểm công nợ cho bên A thì bên B sẽ không được tính (bị mất hoàn toàn) tiền chiết khấu cuối năm. Phần chiết khấu hóa đơn và chiết khấu sản lượng cuối năm chỉ được trừ cho bên B khi bên B thanh toán dứt điểm công nợ trong năm 2018 cho bên A.*

[3.2] Theo thỏa thuận như trên, thì ông K là bên mua phải thanh toán dứt điểm toàn bộ công nợ trong năm 2018 thì mới được tính chiết khấu. Nếu không thanh toán dứt điểm công nợ năm 2018 thì ông K sẽ không được tính chiết khấu cuối năm và sẽ không được trừ chiết khấu hóa đơn và chiết khấu sản lượng cuối năm như đã thỏa thuận trong Hợp đồng đại lý. Như vậy, kể từ ngày 24/12/2018 ông K và bà T còn nợ của Hộ kinh doanh T số tiền 104.845.000đ, nên bà Phan Thị Ngọc D là chủ hộ kinh doanh T không đồng ý trừ chiết khấu cho ông K và bà T là có căn cứ.

[4] Xét thấy, đây là hợp đồng mua bán tài sản, các bên giao kết hợp đồng trên nguyên tắc tự nguyện, bình đẳng, không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội. Do đó, hợp đồng trên được pháp luật bảo vệ. Bà Phan Thị Ngọc D đã thực hiện nghĩa vụ bán và chuyển giao tài sản là thức ăn và thuốc thủy sản cho bên mua là ông Nguyễn Việt K và bà Dương Thị Mỹ T. Ông K và bà T đã nhận đủ tài sản do bà D chuyển giao nêu trên để phục vụ việc nuôi tôm, phát triển kinh tế gia đình. Nhưng ông K và bà T không thực hiện nghĩa vụ thanh toán cho bà D theo thỏa thuận. Tính từ ngày 24/12/2018 đến nay, ông K và bà T còn nợ của bà D số tiền mua bán là 104.845.000đ. Như vậy, ông Nguyễn Việt K và bà Dương Thị Mỹ T đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo quy định tại Điều 440 của Bộ luật dân sự và phải chịu trách nhiệm do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền theo Điều 357 của Bộ luật dân sự quy định “1. *Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả; 2. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt*

quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật này; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật này.”. Do đó, bà Phan Thị Ngọc D yêu cầu ông Nguyễn Việt K và bà Dương Thị Mỹ T trả cho bà số tiền nợ mua bán mua thức ăn và thuốc thủy sản là 104.845.000đ và yêu cầu tính lãi suất chậm thanh toán là 10%/năm, thời gian tính lãi từ ngày 25/12/2018 đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 27/9/2019 là 09 tháng 02 ngày, với số tiền lãi là 7.888.533đ đồng. Tổng số tiền gốc và lãi là 112.733.533đ đồng là có căn cứ, Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về tiền lãi: Xét thấy, nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Nguyễn Việt K và bà Dương Thị Mỹ T trả tiền lãi suất chậm thanh toán là 10%/năm thời gian tính từ ngày 25/12/2018 đến ngày xét xử sơ thẩm 27/9/2019 là phù hợp với mức lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự. Nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự để tính phần tiền lãi như sau: Tiền nợ gốc 104.845.000đ, thời gian tính lãi kể từ ngày 25/12/2018 đến ngày xét xử sơ thẩm 27/9/2019 là 09 tháng 02 ngày, được tính cụ thể: $104.845.000đ \times 0,83\% = 870.213đ/01$ tháng; $104.845.000đ \times 0,027\% = 28.308đ/01$ ngày. Như vậy $104.845.000đ$ tiền gốc $\times 0,83\%/tháng \times 09$ tháng 02 ngày = 7.888.533đ tiền lãi.

[6] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử thống nhất chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phan Thị Ngọc D, buộc ông Nguyễn Việt K và bà Dương Thị Mỹ T liên đới trả cho bà Phan Thị Ngọc D – đại diện Hộ kinh doanh T tổng số tiền 112.733.533 (trong đó bao gồm 104.845.000đ tiền gốc và 7.888.533đ tiền lãi) là phù hợp. Nguyên đơn không yêu cầu tiếp tục tính lãi phát sinh nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[7] Về án phí: Yêu cầu của nguyên đơn, bà Phan Thị Ngọc D được Hội đồng xét xử chấp nhận nên bà D không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và được hoàn trả tiền tạm ứng án phí đã nộp. Bị đơn là ông Nguyễn Việt K và bà Dương Thị Mỹ T phải liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và theo quy định tại khoản 2 Điều 26 của Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 3 Điều 26; khoản 1 Điều 147; Điều 271; khoản 1 Điều 273 và khoản 1 Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Áp dụng khoản 2 Điều 26 của Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Áp dụng Điều 357, Điều 430; Điều 440 Bộ luật dân sự năm 2015.

Áp dụng khoản 2 Điều 27; khoản 2 Điều 37 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Tuyên xử:

[1] Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phan Thị Ngọc D – Đại diện Hộ kinh doanh T về việc yêu cầu ông Nguyễn Việt K và bà Dương Thị Mỹ T trả số tiền gốc

104.845.000 đồng và tiền lãi là 7.888.533 đồng. Tổng số tiền gốc và lãi là 112.733.533 đồng.

[2] Buộc ông Nguyễn Việt K và bà Dương Thị Mỹ T phải có trách nhiệm liên đới trả cho bà Phan Thị Ngọc D – Đại diện Hộ kinh doanh T tổng số tiền 112.733.533 đồng (trong đó bao gồm 104.845.000 đồng tiền gốc và 7.888.533 đồng tiền lãi).

[3] Khi bản án có hiệu lực pháp luật và bà Phan Thị Ngọc D – Đại diện hộ kinh doanh T có đơn yêu cầu thi hành án, mà ông Nguyễn Việt K và bà Dương Thị Mỹ T chậm trả số tiền nêu trên cho bà Phan Thị Ngọc D, thì ông K và bà T phải liên đới trả tiền lãi đối với số tiền trả chậm, với lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự, tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Nguyễn Việt K và bà Dương Thị Mỹ T phải liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm là 5.636.676 đồng (năm triệu sáu trăm ba mươi sáu nghìn sáu trăm bảy mươi sáu đồng), nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng. Bà Phan Thị Ngọc D được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp 2.642.000 đồng theo biên lai thu số 0005418 ngày 12/02/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử theo trình tự phúc thẩm.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền yêu cầu thi hành án, thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỹ Xuyên;
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- Chi cục T.H.A dân sự huyện Mỹ Xuyên,
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Ái Mỹ

